

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 90/2020/DS-ST

Ngày: 24-9-2020

V/v: Tranh chấp hợp đồng

vay tài sản.

**NHÂN DA  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

*- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Hồng Thắm

*Các Hội thẩm nhân dân:*

*1. Ông Đặng Minh Lý*

*2. Ông Thượng Văn Kình*

*- Thư ký phiên tòa:* Bà Châu Thị Hoài Phương – Cán bộ Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

*- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa:*  
Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 24 Tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 138/2020/TLST-DS ngày 20 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 138/2020/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 138/2020/QĐST-DS ngày 15 tháng 9 năm 2020, giữa các đương sự:

*1. Nguyên đơn:* Bà Trần Kim Ng, sinh năm 1961; địa chỉ: Số A khu phố B, phường C, thành phố D, tỉnh Bình Dương. Có đương xin vắng mặt

*2. Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1948; địa chỉ: Số A 1 đường A 2, Tổ A 3, Khu phố A 4, phường A 5, thành phố D, tỉnh Bình Dương; Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*\* Trong đơn khởi kiện ngày 16/3/2020 nguyên đơn bà Trần Kim Ng trình bày:*

Ngày 20/01/2019, bà Trần Kim Ng có cho bà Nguyễn Thị A vay số tiền là 400.000.000 đồng, thời hạn trả là 02 tháng. Để đảm bảo khoản vay trên, bà Ng có giữ của bà A một bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CH03880 do Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Dầu Một cấp ngày 11/12/2014 cho bà Nguyễn Thị A, hai bên có thỏa thuận miêng tiền lãi là 2,5%/tháng nhưng từ ngày vay đến nay bà A không trả nợ gốc và tiền lãi cho bà Ng.

Nay, bà Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà A phải trả cho bà Ng số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng, số tiền lãi là 60.000.000 đồng tính từ ngày 21/3/2020 đến ngày xét xử sơ thẩm với mức lãi suất là 10%/năm. Như vậy, tổng số tiền gốc và tiền lãi bà Ng yêu cầu bà A phải thanh toán cho bà Ng là 460.000.000 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Điều 179 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn bà Nguyễn Thị A không đến Tòa án tham gia tố tụng, không gửi văn bản trình bày ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không có yêu cầu phản tố đối với nguyên đơn.

Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát: Từ khi thụ lý vụ án đến khi đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng và đầy đủ về quyền, nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật. Bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, hòa giải và xét xử nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do là chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của bị đơn theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử và Thư ký đã thực hiện đúng quy định pháp luật. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục hay bổ sung gì về tố tụng. Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử quyết định chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Kim Ng đối với bị đơn bà Nguyễn Thị A.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1]. Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn bà Ng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1948; địa chỉ: Số 917/15/56 đường 30/4, Tổ 10, Khu phố 9, phường Chánh Nghĩa, thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương phải trả số tiền đã vay và lãi là 460.000.000 đồng. Vì vậy, xác định quan hệ pháp luật là tranh chấp hợp đồng dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một theo quy định tại Khoản 3 Điều 26, Khoản 1, Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hợp đồng mà các bên giao kết là hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 Bộ luật Dân sự.

Về tố tụng: Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ cho bị đơn bà Nguyễn Thị A. Tuy nhiên, bà A không đến Tòa án tham gia tố tụng, không có văn bản ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Do vậy, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Ngày 20/01/2019, bà Trần Kim Ng cho bà Nguyễn Thị A vay số tiền là 400.000.000 đồng, thời hạn trả là 02 tháng kể từ ngày vay. Xét thấy, giấy mượn nợ ngày 20/01/2019 thể hiện người ký tên là bà Nguyễn Thị A có vay của bà Ng số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng. Hai bên có thỏa thuận thời hạn trả nợ nhưng hết thời hạn, bà A vẫn không trả số tiền nợ gốc cho bà Ng. Quá trình giải quyết vụ án

Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn theo quy định tại Điều 177 của Bộ luật Tố tụng dân sự bị đơn bà A không đến Tòa án tham gia tố tụng cũng như không có ý kiến trước yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Như vậy, do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thA toán nên bà Ng khởi kiện yêu cầu bà A thA toán số nợ trên là có căn cứ, phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn bà A có trách nhiệm thA toán cho nguyên đơn bà Ng tổng số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng.

[3] Về tiền lãi: Bà Ng cho rằng hai bên có thỏa thuận tiền lãi là 2.5%/tháng và yêu cầu bà A thA toán số tiền lãi 10% /năm từ ngày 21/3/2019 đến khi xét xử sơ thẩm.

Xét thấy, căn cứ vào giấy mượn nợ ngày 20/01/2019 trên thì các bên có thỏa thuận thời hạn thanh toán nhưng không thỏa thuận lãi suất nên thuộc trường hợp vay có kỳ hạn nhưng không có lãi theo quy định tại khoản 4 Điều 466 của Bộ luật dân sự. mức lãi suất mà nguyên đơn yêu cầu là phù hợp với quy định tại Điều 357 và Khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự nên có căn cứ để Hội đồng xét xử chấp nhận, cụ thể như sau: Từ ngày 21/3/2019 đến ngày 24/9/2020 là 18 tháng 3 ngày với số tiền lãi là 60.084.000 đồng. Tuy nhiên, bà Ng yêu cầu bà A thanh toán số tiền lãi là 60.000.000 đồng, yêu cầu này có lợi cho bị đơn nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bị đơn thế chấp cho nguyên đơn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, việc thế chấp này không thực hiện đúng quy định pháp luật nên nguyên đơn có trách nhiệm hoàn trả cho bị đơn.

Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn.

[4]. Quan điểm của vị đại diện Viện Kiểm sát về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn Nguyễn Thị A, sinh năm 1948, đến nay đã trên 60 tuổi nên được miễn án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ các Điều 105, 123, 131, 309, 357, 463, 466, 470 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Khoản 3 Điều 26; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm c Khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 177, 227, 228, 266, 267 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa XIV qui định về mức thu, miễn, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Kim Ng đối với bị đơn bà Nguyễn Thị A về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

- Buộc bà Nguyễn Thị A phải có trách nhiệm thanh toán cho bà Trần Kim Ng số tiền nợ gốc là 400.000.000 đồng và số tiền lãi là 60.000.000 đồng. Tổng cộng số tiền là 460.000.000 đồng.

- Bà Trần Kim Ng có trách nhiệm trả lại bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BU946448, sổ vào sổ CH0880 ngày 11/12/2014 cho bà Nguyễn Thị A.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì hàng tháng còn phải trả tiền lãi, theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Bà Nguyễn Thị A được miễn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

- Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một hoàn trả cho bà Trần Kim Ng số tiền là 11.200.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số AA/2016/0041619 ngày 17/4/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thủ Dầu Một

3/ Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4/ Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai ./.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND TP. Thủ Dầu Một;
- CC THADS TP. Thủ Dầu Một;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Hồng Thắm**

